

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2024/DS-ST**

Ngày: 29-01-2024

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản
theo di chúc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 378/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Danh Thanh T, sinh năm 2002; HKTT: Khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Danh Thị C, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/7/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Doãn H, thuộc Công ty Luật Hợp Danh N – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Danh L, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Danh Thị Ngọc P, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/6/2023), có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Danh Thị Mộng Đ, sinh năm 1983, có mặt.

3.2. Bà Danh Thị Mộng H, sinh năm 1987, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3. Bà Danh Thị Mộng L, sinh năm 1992, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1961, vắng mặt.

3.5. Bà Danh Nguyễn Hà X, sinh năm 1981, vắng mặt.

3.6. Bà Danh Nguyễn Hà T, sinh năm 1985, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.7. Ông Danh S, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.8. Bà Danh G, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ M, Khu phố N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.9. Bà Danh Thị C, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.10. Bà Phạm Thị Ngọc Y, địa chỉ: Khu X, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.11. Văn phòng Công chứng M; địa chỉ: khu phố T, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện nguyên đơn bà Danh Thị C trình bày:*

Ông ngoại bà Danh Thanh T là ông Danh B (chết năm 2020), bà ngoại là bà Nguyễn Thị B (chết năm 2008). Quá trình chung sống ông B và bà B1 có 06 người con gồm: (1) Ông Danh Sấm B, sinh năm 1956, chết năm 2015, có vợ là bà Nguyễn Thị L, chết năm 2004. Ông B có 3 người con là: Danh Thị Mộng Đ, sinh năm 1983; bà Danh Thị Mộng H, sinh năm 1987; bà Danh Thị Mộng L, sinh năm 1992. (2) Ông Danh Văn T, sinh năm 1958, chết năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1961 và có 2 con là bà Danh Nguyễn Hà X, sinh năm 1981 và bà Danh Nguyễn Hà T, sinh năm 1985. (3) Ông Danh L, sinh năm 1963. (4) Ông Danh S, sinh năm 1965. (5) Bà Danh G, sinh năm 1969. (6) Bà Danh Thị C, sinh năm 1974. Ngoài những người con trên thì ông B và bà B1 không có người con riêng hay con nuôi nào khác. Quá trình chung sống ông B và bà B1 có tạo lập được khối tài sản chung là phần đất diện tích 315,1m², thuộc thửa đất số 2769, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M704082, sổ vào sổ cấp GCN số 232QSDĐ/ĐS do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/8/1998 mang tên Nguyễn Thị B1.

Ngày 03/9/2008, bà B1 chết không để lại di chúc. Ngày 08/7/2020 B chết, trước khi chết ông B có lập di chúc định đoạt toàn bộ phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng đất của ông B trong quyền sử dụng đất chung với bà B1 nêu trên và ký phân mà ông B nhận được thừa kế từ bà B1 sẽ để lại cho cháu là bà Danh Thanh T. Khi công bố di chúc của ông B và tiến hành phân chia di sản theo di nguyện của ông B để lại thì ông

Danh B không đồng ý dẫn đến phát sinh tranh chấp, việc ông B không đồng ý và gây khó khăn cho việc phân chia di sản theo di chúc của ông B là cố tình làm trái di nguyện của ông Danh B khiến quyền và lợi ích của bà Danh Thanh T cũng như những đồng thừa kế khác bị xâm phạm nghiêm trọng, cụ thể: Di chúc ngày 23/08/2017 của ông B được lập là hợp pháp, đảm bảo đầy đủ nội dung và hình thức của di chúc và được Văn phòng Công chứng M xác nhận theo số công chứng số 013886, quyển số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD. Tại thời điểm lập di chúc ông B hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt có đủ điều kiện để lập di chúc theo Giấy khám sức khỏe số 46297, ngày 22/08/2017 tại Trung tâm giám định y khoa – Sở y tế tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm lập di chúc ông B có mời bà Nguyễn Trúc A đến để làm chứng về việc lập di chúc của mình, bà Tr A cũng đã ký tên, lăn tay xác nhận việc ông Danh B lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện và nội dung di chúc là đúng với ý chí, nguyện vọng của ông Danh B. Từ đó, có thể thấy việc lập di chúc của ông Danh B là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý chí nguyện vọng của ông B trước khi chết; hơn nữa, trước khi ông Danh B chết thì bà Danh Thanh T và bà Danh Thị C là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng ông B cho đến lúc ông B chết. Do đó, việc bà Danh Thanh T yêu cầu phân chia di sản theo di chúc ngày 23/08/2017 là hoàn toàn phù hợp và đúng với quy định của pháp luật. Hiện tại trên phần đất có diện tích 315,1m², thuộc thửa đất số 2769, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương có tồn tại 02 căn nhà cấp 4, cụ thể:

- Căn nhà thứ nhất, có diện tích khoảng 20m², kết cấu: tường xây tô, nền gạch bông, mái tole được bà Danh Thị C xây vào khoảng năm 2019. Căn nhà này hiện do Danh Thị C trực tiếp sinh sống.

- Căn nhà thứ hai, có diện tích khoảng 80m², kết cấu: tường xây tô, nền gạch bông, mái tole, do ông Danh B và bà Nguyễn Thị B1 xây dựng vào khoảng năm 2004. Hiện, bà Danh Thanh T là người trực tiếp quản lý, sử dụng và sinh sống trên căn nhà này.

Nay qua đo đạc thực tế bà Danh Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xem xét, giải quyết: Công nhận di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng số 013886, quyển số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M của ông Danh B có hiệu lực pháp luật. Phân chia di sản do ông Danh B để lại theo di chúc ngày 23/08/2017, cụ thể:

1. Bà Danh Thanh T yêu cầu được nhận phần đất có diện tích khoảng 120,2 m² là phần của ông B được chia trong khối tài sản chung của ông Danh B và bà Nguyễn Thị B1 là phần đất có diện tích do đạc thực tế 240,4m², thuộc thửa đất số 2769, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1.

2. Bà Danh Thanh T yêu cầu được nhận phần đất có diện tích khoảng 17,17 m² là kỷ phần của ông Danh B được chia trong khối di sản mà bà Nguyễn Thị B1 chết để lại là phần đất có diện tích 120,2 m² thuộc thửa đất số 2769, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 704082, sổ vào sổ cấp GCN: 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1. Như vậy, tổng diện tích

bà Tr được nhận khoảng 137,37 m², bà Tr yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

3. Đối với hai căn nhà cấp 4 tồn tại trên đất, bà Tr đề nghị được nhận 2 căn nhà trên và đồng ý hoàn trả giá trị căn nhà trên cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Đối với căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 20m², kết cấu: tường xây tô, nền gạch bông, mái tole được bà Danh Thị C xây vào khoảng năm 2019, bà Tr đồng ý trả giá trị của căn nhà cho bà Danh Thị C. Đối với căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 80m², kết cấu: tường xây tô, nền gạch bông, mái tole, do ông Danh B xây dựng vào khoảng năm 2004, bà Tr đồng ý trả cho nhưng người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà B1 bao gồm: ông Danh Sấm B, ông Danh Văn T, ông Danh L, ông Danh S, bà Danh G và bà Danh Thị C giá trị của căn nhà.

** Bị đơn và người đại diện hợp pháp bị đơn trình bày:*

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về quan hệ huyết thống, tài sản do ông B và bà B1 chết để lại. Khi còn sống bị đơn không hề được biết ông Boul có lập di chúc cho bà Danh Thanh T. Di chúc trên hoàn toàn không hợp pháp vì khi đó ông B đã già yếu không còn minh mẫn và di chúc không có ai là người trong nhà (con cháu ông B) làm chứng việc lập di chúc. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý chia di sản thừa kế theo di chúc. Bị đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B và bà B1 theo quy định của pháp luật về thừa kế. Bị đơn không đồng ý cho bà Danh Thanh T được nhận 02 căn nhà cấp 4 gồm: 01 căn có diện tích khoảng 20m², kết cấu: tường xây tô, nền gạch bông, mái tole và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 80m², kết cấu: tường xây tô, nền gạch bông, mái tole, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 704082, sổ vào sổ cấp GCN số 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc hủy di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng số 013886, quyền số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M của ông Danh B. Yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế phần đất có diện tích 315,1m², thuộc thửa đất số 2769, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 704082, sổ vào sổ cấp GCN số 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1 theo pháp luật cho những người thừa kế của ông Danh B và bà Nguyễn Thị B1 và đối với việc xác định diện tích nhà đo đạc thực tế là 75,3m², kết cấu: tường xây tô, nền gạch bông, mái tole, do bà Nguyễn Thị B1 xây dựng vào năm 2005 và năm 2012 vợ chồng ông Danh L đã sửa chữa lại giá trị 100.000.000 đồng thuộc thửa đất số 2769, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị Mộng Đ, ông Danh S, bà Danh G, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L trình bày:* Thống nhất ý kiến của bị đơn ông Danh L, không có yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị C trình bày:* Thống nhất ý kiến khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H, bà Danh Nguyễn Hà X, bà Danh Nguyễn Hà T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thụ lý phản tố, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Doãn Hải nêu luận cứ:* Theo Di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng số 013886, quyền số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M của ông Danh B có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận và tại phiên tòa bị đơn rút yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, đối với diện tích đo đạc thực tế 240,4m² thuộc thửa đất số 2769 (56 cũ), tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 704082, số vào sổ cấp GCN số 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1. Bà Tr yêu cầu được nhận bằng hiện vật và đồng ý trả cho nhưng người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà B1 giá trị được chia thừa kế còn lại là phù hợp với thực địa đất do bà Tr nhận kỷ phần thừa kế theo di chúc và theo pháp luật nhiều hơn các đồng thừa kế khác.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, do đó đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp thừa kế theo di chúc nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc” theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Do đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H, bà Danh Nguyễn Hà X, bà Danh Nguyễn Hà T vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu công nhận di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng số 013886, quyền số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M của ông Danh B có hiệu lực pháp luật. Phân chia di sản do ông Danh B để lại theo di chúc cụ thể: Bà Danh Thanh T yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 1/2 diện tích đo đạc thực tế 240,4m² và 01 kỷ phần là di sản của bà Nguyễn Thị B1 thuộc thửa đất số 2769 (56 cũ), tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 704082, số vào sổ cấp GCN số 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1. Bà Tr yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 240,4m² và tài sản trên đất và đồng thanh toán bằng giá trị cho hàng thừa kế thứ nhất và hàng thừa kế thế vị của ông B và bà B1 giá trị được chia thừa kế còn lại. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự thống nhất hàng thừa kế ông Danh B (chết năm 2020) và bà B1 Nguyễn Thị B1 (chết năm 2008) có tất cả 06 người con gồm: (1). Ông Danh Sấm B1, chết năm 2015 vợ là bà Nguyễn Thị L, chết năm 2004, các thừa kế thế vị là bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L. (2) Ông Danh Văn T chết năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H và có 2 con là bà Danh Nguyễn Hà X và bà Danh Nguyễn Hà T. (3) Ông Danh L. (4) Ông Danh S. (5) Bà Danh G. (6) Bà Danh Thị C. Ngoài những người con trên thì ông B và bà B1 không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

[4] Tòa án đã kết hợp cùng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Dầu Một và các ngành xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp sau: Diện tích đất đo đạc thực tế 240,4m² thuộc thửa đất số 2769 (56 cũ), tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 704082, số vào sổ cấp GCN số 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1. Tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 4 diện tích 19,6m² bà Danh Thị C xây dựng năm 2015, 01 căn nhà cấp 4 diện tích 56,8m² và 01 nhà vệ sinh 5,1m² do bà Nguyễn Thị B1 xây dựng năm 2004, hiện bị đơn ông Danh L đang quản lý sử dụng. Diện tích đất đo đạc thực tế 240,4m² thuộc thửa đất số 2769 (56 cũ), tờ bản đồ số 36 theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Dầu Một có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị B1 đăng ký kê khai được cấp quyền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân với ông Danh B. Giá đất thổ cư 131,6m² x 24.000.000 đồng/1m² thành tiền 3.158.400.000 đồng, đất trồng cây lâu năm diện tích 108,8m² x 20.000.000 đồng/1m² thành tiền 2.176.000.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 5.334.400.000 đồng. Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4 diện tích 19,6m² x 3.450.000 đồng/1m² x 60% giá trị sử dụng còn lại, thành tiền 40.572.000 đồng. Nhà cấp 4 diện tích 75,3m² x 3.450.000 đồng/1m² x 60% giá trị sử dụng còn lại, thành tiền 155.871.000 đồng. Nhà vệ sinh diện tích 5,1m² x 1.100.000

đồng x 60% thành tiền 3.366.000 đồng, 01 giếng khoan giá trị 5.382.000 đồng, 01 cây mít giá 958.000 đồng và 01 cây lộc vừng giá 144.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 206.493.000 đồng. Di sản là tài sản trên đất là 165.921.000 đồng.

[5] Về yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc tổng diện tích đo đạc thực tế là 240,4m² thuộc thửa đất số 2769 (56 cũ), tờ bản đồ số 36, theo Công văn số 1338/UBND-VP ngày 16/5/2023 của UBND thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp quá trình sử dụng, lời trình bày của các đồng thừa kế trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, cụ thể không còn phần đất nào khác ngoài phần đất đo đạc ngày 18/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thủ Dầu Một thực hiện.

[6] Di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng số 013886, quyền số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M của ông Danh B phát sinh hiệu lực đối với phần di sản của ông Danh B để lại cho bà Danh Thanh T là giá trị quyền sử dụng đất, không định đoạt tài sản trên đất. Như vậy, bà Danh Thanh T được hưởng ½ tài sản ông Danh B (chết năm 2020) là quyền sử dụng đất đo đạc thực tế là 240,4m² (trong đó ½ diện tích đất thổ cư 131,6m² và ½ diện tích 108,8m² trồng cây lâu năm). Tuy nhiên, cần tích phần công sức đóng góp giữ gìn tài sản chung và công sức chăm sóc ông Danh B và bà Nguyễn Thị B1 chết để lại trước khi giải quyết di sản và phần di chúc cho bị đơn ông Danh L và vợ là bà Phạm Thị Ngọc Y. Hội đồng xét xử trích công sức nuôi dưỡng người để lại di sản và gìn giữ bảo quản, tôn tạo di sản là 10% giá trị tài sản của ông Danh B và bà Nguyễn Thị B1 chết để lại phù hợp theo Án lệ số 05/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Như vậy di sản của ông Danh B và bà Nguyễn Thị B1 chết để lại diện tích đất ở 131,6m² x 24.000.000 đồng/1m² thành tiền 3.158.400.000 đồng, diện tích đất trồng cây lâu năm diện tích 108,8m² x 20.000.000 đồng/1m² thành tiền 2.176.000.000 đồng, tổng cộng là 5.334.440.000 đồng. Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4 diện tích 75,3m² x 3.450.000 đồng/1m² x 60% giá trị sử dụng còn lại, thành tiền 155.871.000 đồng. Nhà vệ sinh diện tích 5,1m² x 1.100.000 đồng x 60% thành tiền 3.366.000 đồng, 01 giếng khoan giá trị 5.382.000 đồng, 01 cây mít giá 958.000 đồng và 01 cây lộc vừng giá 144.000 đồng, tổng là 165.721.000 đồng, tổng cộng 5.500.121.000 đồng. Trích 10% công sức giá trị quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 240,4m² cho ông Danh L và vợ là bà Phạm Thị Ngọc Y, thành tiền là 550.012.100 đồng. Di sản là quyền sử dụng đất của ông Danh B và bà Nguyễn Thị B1 chết còn để lại có giá trị là 4.950.108.900 đồng. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 4.800.959.900 đồng, giá trị tài sản trên đất là 149.149.000 đồng.

[8] Phần di sản của bà Nguyễn Thị B1 chết trước ông Danh B để lại 2.400.479.950 đồng là giá trị quyền sử dụng đất và 74.574.500 đồng giá trị tài sản trên đất, tổng cộng là 2.475.054.450 đồng chưa định đoạt được chia cho 07 kỹ phần thừa kế gồm: (1) ông Danh B (2) ông Danh Sấm B1, chết năm 2015 vợ là bà Nguyễn Thị L, chết năm 2004. Ông Danh B có 3 người con là: bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L (3) ông Danh Văn T chết năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H và có 2 con là bà Danh Nguyễn Hà X, và bà Danh Nguyễn Hà T. (4) ông Danh L (5) ông Danh S (6) bà Danh G (7) bà Danh Thị C mỗi kỹ phần được 353.579.207 đồng.

[9] Đối với di sản là tài sản trên đất tổng cộng 165.721.000đồng - 10% công sức cho ông Danh L còn lại là 149.149.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất là 74.574.500 đồng là di sản ông Danh B để lại chưa định đoạt được chia cho 06 kỷ phần thừa kế gồm (1) ông Danh Sầm B1, chết năm 2015 vợ là bà Nguyễn Thị L, chết năm 2004. Ông Danh B có 3 người con là: bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L (2) ông Danh Văn T chết năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H và có 2 con là bà Danh Nguyễn Hà X, và bà Danh Nguyễn Hà T. (3) ông Danh L. (4) ông Danh S. (5) bà Danh G. (6) bà Danh Thị C mỗi kỷ phần được hưởng là 12.429.083 đồng.

Theo di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng số 013886, quyển số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M của ông Danh B định đoạt quyền sử dụng đất giao cho bà Danh Thanh T tài sản là quyền sử dụng đất $\frac{1}{2}$ giá trị di sản ông Danh B chết để lại 2.400.479.950 đồng và phần di sản của bà Nguyễn Thị B1 chết trước ông Danh B để lại là 353.579.207 đồng. Tổng cộng 2.754.059.157 đồng bà Danh Thanh T được hưởng.

[10] Xét thấy tổng diện tích đo đạc thực tế là 240,4m² thuộc thửa đất số 2769 (56 cũ) tờ bản đồ số 36 đủ để chia cho bị đơn, tuy nhiên do hình thể diện tích đất theo kết quả đo đạc ngày 18/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thủ Dầu Một nếu chia ra thì không có lối vào bên trong khu đất. Do đó, Hội đồng xét xử giao toàn bộ diện tích đo đạc thực tế là 240,4m² cùng tài sản trên đất cho bà Danh Thanh T trực tiếp quản lý sử dụng và bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị nhận bằng hiện vật cho kỷ phần thừa kế được hưởng như sau: Bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L được nhận số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu H, bà Danh Nguyễn Hà X và bà Danh Nguyễn Hà T được nhận số tiền số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng. Ông Danh L được nhận số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng và 10% công sức nuôi dưỡng người để lại di sản và gìn giữ bảo quản, tôn tạo di sản thành tiền là 550.121.100 đồng, tổng cộng 916.129.390 đồng. Ông Danh S được nhận số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng. Bà Danh G được nhận số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng. Bà Danh Thị C được nhận số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B. Tổng cộng 366.008.290 đồng và giá trị nhà cấp 4 diện tích 19,6m² thành tiền 40.572.000 đồng.

[10] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[11] Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[12] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các đương sự phải nộp theo quy định. Bị đơn ông Danh L được miễn án phí sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 227, 266, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 624, 625, 630, 635, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Danh Thanh T đối với bị đơn ông Danh L về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc”.

1.1. Xác định di sản của ông Danh B chết để lại được định đoạt cho bà Danh Thanh T theo di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng 013886, quyền số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M Bình Dương có giá trị 2.400.479.950 đồng là ½ tài sản chung vợ chồng của ông B, bà B1 và phần thừa kế bà Nguyễn Thị B1 chết để lại là 353.579.207 đồng, tổng cộng 2.754.059.157 đồng.

1.2. Xác định di sản của ông Danh B chết để lại chưa định đoạt là tài sản trên đất có giá trị là 74.574.500 đồng được chia cho 06 kỹ phần thừa kế gồm (1) ông Danh Sấm B1, chết năm 2015 vợ là bà Nguyễn Thị L, chết năm 2004. Ông Danh B có 3 người con là: bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L (2) ông Danh Văn T chết năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H và có 2 con là bà Danh Nguyễn Hà X, và bà Danh Nguyễn Hà T. (3) ông Danh L. (4) ông Danh S. (5) bà Danh G. (6) bà Danh Thị C mỗi kỹ phần được hưởng là 12.429.083 đồng.

1.3. Xác định phần di sản của bà Nguyễn Thị B1 để lại là 2.400.479.950 đồng là giá trị quyền sử dụng đất và 74.574.500 đồng giá trị tài sản trên đất, tổng cộng là 2.475.054.450 đồng chưa định đoạt, được chia cho 07 kỹ phần thừa kế gồm: (1) ông Danh B (2) ông Danh Sấm B1, chết năm 2015 vợ là bà Nguyễn Thị L, chết năm 2004. Ông Danh B có 3 người con là: bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L (3) ông Danh Văn T chết năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Thu H và có 2 con là bà Danh Nguyễn Hà X, và bà Danh Nguyễn Hà T. (4) ông Danh L. (5) ông Danh S. (6) bà Danh G. (7) bà Danh Thị C mỗi kỹ phần được 353.579.207 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy di chúc ngày 23/08/2017, số công chứng 013886, quyền số 08/2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M của ông Danh B và yêu cầu xác định giá trị 100.000.000 đồng đối

với diện tích nhà 75,3m², vợ chồng ông Danh L đã sửa chữa lại thuộc thửa đất số 2769, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Giao cho bà Danh Thanh T phần tài sản diện tích đất đo đạc thực tế 240,4m² thuộc thửa đất số 2769 (56 cũ), tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 704082, sổ vào sổ cấp GCN số 232 QSDĐ/ĐS do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/08/1998 mang tên Nguyễn Thị B1 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 4 diện tích 19,6m² của bà Danh Thị C xây dựng năm 2015, 01 căn nhà cấp 4 diện tích 75,3m² và 01 nhà vệ sinh 5,1m², 01 giếng khoan, 01 cây mít giá, 01 cây lộc vừng và bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị nhận bằng hiện vật cho kỷ phần thừa kế được hưởng như sau:

+ Bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị cho các bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng.

+ Bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị cho các bà Nguyễn Thị Thu H, bà Danh Nguyễn Hà X và bà Danh Nguyễn Hà T số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng.

+ Bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị cho ông Danh L được nhận số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng và 10% công sức nuôi dưỡng người để lại di sản, gìn giữ bảo quản, tôn tạo di sản thành tiền là 550.121.100 đồng, tổng cộng 916.129.390 đồng.

+ Bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị cho ông Danh S số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng.

+ Bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị cho bà Danh G số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng.

+ Bà Danh Thanh T có trách nhiệm bù hoàn giá trị cho bà Danh Thị C số tiền 353.579.207 đồng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 và 12.429.083 đồng kỷ phần thừa kế của ông Danh B, tổng cộng 366.008.290 đồng và giá trị nhà cấp 4 diện tích 19,6m² thành tiền 40.572.000 đồng, tổng cộng 406.580.290 đồng.

Ông Danh L và bà Phạm Thị Ngọc Y được lưu cư trong thời hạn 03 tháng trên diện tích nhà 75,3m² theo kết quả đo đạc thực tế ngày 18/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Dầu Một thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Danh Thanh T có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo quyết định của Tòa án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Danh Thanh T nộp 87.081.183 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng trước đây theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001736 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, bà Danh Thanh T phải nộp thêm số tiền 66.081.183 đồng.

+ Bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L liên đới nộp 18.300.414 đồng án phí sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Thu H và bà Danh Nguyễn Hà X, bà Danh Nguyễn Hà T liên đới nộp 18.300.414 đồng án phí sơ thẩm.

+ Ông Danh S nộp 18.300.414 đồng án phí sơ thẩm.

+ Bà Danh G nộp 17.777.664 đồng án phí sơ thẩm.

+ Bà Danh Thị C nộp 18.300.414 đồng án phí sơ thẩm.

+ Ông Danh L được miễn nộp án phí sơ thẩm.

4.2. Về chi phí tố tụng, đo đạc định giá: Tổng chi phí là 4.583.404 đồng, bà Danh Thanh T đã thực hiện tạm ứng xong, do đó các đồng thừa kế phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Danh Thanh T như sau:

+ Bà Danh Thị Mộng Đ, bà Danh Thị Mộng H, bà Danh Thị Mộng L liên đới nộp 808.900 đồng để hoàn trả cho bà Danh Thanh T.

+ Bà Nguyễn Thị Thu H và bà Danh Nguyễn Hà X, bà Danh Nguyễn Hà T liên đới nộp 808.900 đồng để hoàn trả cho bà Danh Thanh T.

+ Ông Danh S nộp 808.900 đồng để hoàn trả cho bà Danh Thanh T.

+ Bà Danh G nộp 808.900 đồng để hoàn trả cho bà Danh Thanh T.

+ Bà Danh Thị C nộp 808.900 đồng để hoàn trả cho bà Danh Thanh T.

+ Ông Danh L nộp 808.900 đồng để hoàn trả cho bà Danh Thanh T.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong

**SƠ ĐỒ BẢN VẼ KÈM THEO BẢN ÁN SỐ 05/2024/DS-ST NGÀY 29/01/2024 CỦA
TAND TP THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong